

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 2048/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24/5/2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Hiền

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phòng

2. Bà Đỗ Thị Kiều Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn T - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 2986/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2472/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Ân H, sinh năm 1998

Địa chỉ: 4 Đường E, tổ E, khu phố G, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

Chỗ ở hiện tại: 75/12 Đường A, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Võ Hoàng L, sinh năm 1997

Địa chỉ: 4 Đường E, tổ E, khu phố G, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/11/2023 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Ân H trình bày như sau:

Bà **Huỳnh Thị Ân H** và ông **Võ Hoàng L** sống chung với nhau từ năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh Bình Định theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 12 tháng 4 năm 2017.

Sau khi sống chung một thời gian bà **H** đã nhận thấy giữa bà **H** và ông **L** có nhiều điểm bất đồng, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân do ông **L** tính tình gia trưởng, bảo thủ, luôn luôn cho mình là đúng, không bao giờ biết nhận lỗi sai của mình, đã vậy ông **L** còn không chịu lo làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm chăm sóc vợ con, không đưa tiền cho bà **H** nuôi con. Đã nhiều lần bà **H** khuyên nhủ ông **L** thay đổi tính cách, chăm lo làm ăn nhưng ông **L** vẫn không sửa đổi, vẫn cứng nhắc tịt nấy. Từ tháng 8 năm 2023 đến nay, vợ chồng ông bà đã sống ly thân. Khi bà **H** nộp đơn xin ly hôn ở Tòa án bà **H** có thông báo cho ông **L** biết nhưng ông **L** không quan tâm và không đến Tòa án để giải quyết. Đến nay, bà **H** xác định không còn tình cảm với ông **L**, không muốn kéo dài cuộc hôn nhân này nữa nên bà **H** yêu cầu được ly hôn với ông **Võ Hoàng L**.

- Về con chung: Có 01 con chung tên **Võ Huỳnh Bảo T1**, sinh ngày 29/01/2016. Hiện, bé đang ở với ông bà ngoại (cha mẹ của bà **H**), nhưng sắp tới đây bà **H** sẽ đưa bé vào **S** để ở chung với bà **H**. Bà **H** đang làm nhân viên của Công ty J ở phường L, thành phố T. Thu nhập bình quân của bà **H** mỗi tháng là 10.000.000 đồng. Từ khi con còn nhỏ bà **H** là người trực tiếp nuôi nấng chăm sóc bé, khi bà **H** gửi con cho ông bà ngoại cũng chỉ một mình bà **H** lo lắng chu cấp tiền để nuôi bé, ông **L** không hề chu cấp tiền để nuôi con, không quan tâm gọi điện hỏi han hay về thăm bé. Do đó, Sau khi ly hôn bà **H** yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông **L** cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà **H** trình bày không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà **H** trình bày không có nợ chung.

Tại tờ trình bày nguyện vọng, cháu **Võ Huỳnh Bảo T1** trình bày: Cháu có nguyện vọng được ở với mẹ, vì từ nhỏ cháu đã ở với mẹ, mẹ thương cháu, quan tâm cháu nhiều, lo cho cháu ăn học.

Ông **Võ Hoàng L** đã được Toà án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đến làm việc, Thông báo tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, tham gia các phiên toà xét xử nhưng ông **L** vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc và vắng mặt tại các phiên toà xét xử không có lý do.

Tại phiên toà, bà **Huỳnh Thị Ân H** vẫn giữ nguyên yêu cầu và ý kiến trình bày như trên.

Ông **Võ Hoàng L** đã được Toà án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà để tham gia các phiên toà xét xử nhưng ông **L** vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng

xét xử đã thực hiện việc cấp, tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng và tiến hành giải quyết vụ án đúng nhiệm vụ, quyền hạn, đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Đồng thời, Đại diện Viện kiểm sát nhận định yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà **Huỳnh Thị Ân H** và ông **Võ Hoàng L** sống chung và có đăng ký kết hôn với nhau. Nay bà **H** khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông **L**, đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông **Võ Hoàng L** có nơi cư trú tại **thành phố T** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Ông **Võ Hoàng L** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông **Võ Hoàng L** theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Bà **Huỳnh Thị Ân H** và ông **Võ Hoàng L** tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2016 và có đăng ký kết hôn. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 12 tháng 4 năm 2017 do Ủy ban nhân dân xã **A**, huyện **H**, tỉnh **Bình Định** cấp cho bà **Huỳnh Thị Ân H** và ông **Võ Hoàng L** thì có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà **H** và ông **L** là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào lời trình bày của đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy rằng cuộc sống chung giữa bà **H** và ông **L** thực tế có xảy ra nhiều mâu thuẫn, thiếu sự quan tâm đến nhau, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Nay bà **H** xác định không còn tình cảm với ông **L**, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài và đã nộp đơn yêu cầu được ly hôn với ông **L**. Ông **L** không quan tâm đến yêu cầu ly hôn của bà **H** và cũng không quan tâm đến việc hoà giải, hàn gắn gia đình. Do đó, đã có đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa bà **H** và ông **L** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **Huỳnh Thị Ân H**.

Bà **H** và ông **L** có 01 con chung tên **Võ Huỳnh Bảo T1**, sinh ngày 29/01/2016. Xét thấy, ông **L** không quan tâm đến việc giao con chung cho ai nuôi, không có ý kiến

và trình bày gì nộp cho Tòa án, bà H có công việc và thu nhập ổn định, có đủ khả năng nuôi con, cháu T1 có nguyện vọng được ở với mẹ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H về việc giao con Võ Huỳnh Bảo T1 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà H xác định không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà Huỳnh Thị Ân H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57 và Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Ân H được ly hôn với ông Võ Hoàng L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 12 tháng 4 năm 2017 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh Bình Định cấp cho bà Huỳnh Thị Ân H và ông Võ Hoàng L không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao con chung tên Võ Huỳnh Bảo T1, sinh ngày 29/01/2016 cho bà Huỳnh Thị Ân H trực tiếp nuôi dưỡng, ông Võ Hoàng L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình

không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

- Nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà **Huỳnh Thị Ân H** phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà **H** đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0001548 ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, bà **Huỳnh Thị Ân H** đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND Tp.Thủ Đức;
- Chi cục THADS Tp. Thủ Đức;
- UBND xã An Đức, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Thu Hiền